

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2012/QĐ-UBND

*Thừa Thiên Huế, ngày 21 tháng 12 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập luyện và thời gian tập trung thi đấu ở trong nước:

1. Đối tượng áp dụng:

- Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại các trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao, các trường năng khiếu thể thao, các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp của tỉnh.

- Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang làm nhiệm vụ tại các giải thể thao thành tích cao: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia hàng năm của từng môn thể thao, giải vô địch từng môn của tỉnh.

## 2. Phạm vi áp dụng:

- **Đội tuyển tỉnh:** Những vận động viên trong thời gian được phong cấp 1 quốc gia trở lên đang tập luyện, huấn luyện tại các cơ sở, trung tâm thể thao cấp tỉnh; vận động viên được triệu tập vào đội tuyển tỉnh tham gia Đại hội thể thao toàn quốc hoặc Giải vô địch quốc gia trong năm; đội tuyển Bóng đá tỉnh.

- **Đội tuyển trẻ tỉnh:** Những vận động viên đã đạt huy chương trong hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao của Quốc gia tổ chức đang tập luyện, huấn luyện tại các cơ sở, trung tâm thể thao cấp tỉnh; vận động viên được triệu tập vào đội tuyển tỉnh tham gia Giải vô địch trẻ quốc gia trong năm; đội bóng đá từ U18 đến U23 của tỉnh.

- **Đội tuyển năng khiếu tỉnh:** Những vận động viên chưa có huy chương trong hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao của Quốc gia đang tập luyện, huấn luyện tại các cơ sở, trung tâm thể thao cấp tỉnh; đội Bóng đá từ U10 đến U17 của tỉnh.

- **Đội tuyển thể thao huyện, thị xã, thành phố:** Những vận động viên được triệu tập vào đội tuyển huyện, thị xã, thành phố thi đấu tham gia Đại hội thể thao các huyện, thị xã, thành phố và các giải của tỉnh.

- **Đội tuyển thể thao quần chúng:** Những vận động viên được triệu tập vào đội tuyển Hội khỏe Phù Đổng tỉnh, đội tuyển thể thao các dân tộc thiểu số của tỉnh.

- **Huấn luyện viên được giao nhiệm vụ huấn luyện các đội tuyển được phân cấp theo cấp đội tuyển huấn luyện tương ứng (huấn luyện viên đội tuyển tỉnh, huấn luyện viên đội tuyển trẻ,...).**

## 3. Mức chi:

- Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện:

TT	Chế độ dinh dưỡng VDV và HLV	Mức chi (đồng/người/ngày)		
		Năm 2013	Năm 2014	Từ năm 2015
1	Đội tuyển tỉnh	110.000	125.000	150.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	90.000	105.000	120.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	60.000	75.000	90.000
4	Đội tuyển cấp huyện	60.000	75.000	90.000
5	Đội tuyển thể thao quần chúng tỉnh	60.000	75.000	90.000

- Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung thi đấu như sau:

TT	Đội tuyển	Mức chi (đồng/người/ngày)
1	Đội tuyển tỉnh	200.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	150.000
3	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	150.000
4	Đội tuyển cấp huyện	150.000
5	Đội tuyển thể thao quần chúng tỉnh	150.000

Chế độ dinh dưỡng đối với các vận động viên khuyết tật khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập luyện và thi đấu được vận dụng mức chi theo quy định nêu trên.

**Điều 2.** Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Phạm vi áp dụng:

Các giải thi đấu thể thao của tỉnh được áp dụng chế độ chi tiêu, gồm:

- Đại hội thể dục thể thao;
- Giải thi đấu từng môn thể thao;
- Hội thi thể thao quần chúng;
- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

2. Đối tượng áp dụng:

- Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao;
- Thành viên Ban Tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;
- Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;
- Vận động viên, huấn luyện viên;
- Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

3. Mức chi:

- Các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh:

- + Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng Phó các tiểu ban chuyên môn: 80.000đ/người/ngày
- + Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 60.000đ/người/ngày
- + Giám sát, trọng tài chính: 60.000đ/người/ngày
- + Thư ký, trọng tài khác: 50.000đ/người/ngày
- + Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 45.000đ/người/ngày

Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu hoặc trận đấu thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

- Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với các Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội thi thể thao cấp tỉnh.

+ Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban Tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân. Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút.

+ Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, điều hành, xếp hình, xếp chữ:

Đối với người tập:

- Tập luyện: 30.000đ/người/buổi
- Tổng duyệt (tối đa 2 buổi) 40.000đ/người/buổi

Chính thức: 70.000đ/người/buổi

Đối với giáo viên quản lý, hướng dẫn: 60.000đ/người/buổi

- Các giải thi đấu cấp ngành, cấp huyện, cấp xã:

Tùy theo điều kiện kinh phí của ngành, huyện, thị xã nhưng mức chi các giải thể thao cấp ngành và cấp huyện không quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh; cấp xã chi không quá 50% chế độ cấp tỉnh.

### **Điều 3.** Trách nhiệm và nguồn kinh phí thực hiện

1. Chế độ dinh dưỡng cho vận động viên và huấn luyện viên thể thao thành tích cao Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định cho huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh, các đội tuyển thể thao quần chúng của tỉnh theo quy định tại văn bản này từ nguồn ngân sách sự nghiệp thể thao hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đối với đội tuyển Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh, tuyển chọn vận động viên tham gia đội tuyển Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh sử dụng nguồn kinh phí Hội khoẻ Phù Đổng tỉnh bố trí cho Sở Giáo dục và Đào tạo, kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo, kinh phí giáo dục thể chất trong trường học để thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định cho vận động viên, huấn luyện viên.

Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định cho vận động viên, huấn luyện viên cấp huyện.

Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các liên đoàn, hiệp hội thể thao các đơn vị quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên khai thác các nguồn thu hợp pháp để bổ sung thêm chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên.

2. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế

- Trách nhiệm và nguồn kinh phí thực hiện cho các chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế được đảm bảo từ các nguồn:

+ Nguồn thu bán vé xem thi đấu;

+ Nguồn thu tài trợ, quảng cáo;

+ Nguồn ngân sách nhà nước;

+ Nguồn thu hợp pháp khác.

- Kinh phí chi trả cho các chế độ chi tiêu tài chính được quy định tại quyết định này theo nguyên tắc:

+ Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn thu huy động được theo đúng quy định của pháp luật.

+ Cơ quan được cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí để thực hiện toàn bộ chi phí cho vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ trực thuộc đoàn thể thao được cử tham gia thi đấu theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các nội dung khác thực hiện theo Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và

Du lịch Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và các quy định hiện hành có liên quan.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thay thế các nội dung liên quan tại Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND tỉnh về việc quy định một số chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao của tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Hòa**